

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 16-5- 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ tiền hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Ông Tôn Minh Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chiéc G, sinh năm 1970 (*có mặt*).

Bà Nguyễn Hồng X, sinh năm 1975 (*vợ ông G*).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hồng X: Ông Nguyễn Chiéc G, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ ấp Công S, xã An Minh B, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G (*theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2021*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 (*vắng mặt*).

Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1976 (*vợ ông N có đơn xin vắng mặt*).

Cùng địa chỉ ấp Công S, xã An Minh B, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Chiéc G, bà Nguyễn Hồng X trình bày:

Ngày 26/02/2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Ng (sau đây gọi tắt là ông N, bà Ng) có vay vợ chồng ông Nguyễn Chiéc G, bà Nguyễn Hồng X (gọi tắt là ông G, bà X) số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay là 01 năm. Sau đó, vợ chồng ông N, bà Ng đóng tiền lãi cho ông G, bà X đến ngày 27/11/2019 thì không đóng nữa. Ngoài ra, trong năm 2016 vợ chồng ông N, bà Ng còn nợ tiền hụi của vợ chồng ông G, bà X là 150.000.000 đồng. Vợ chồng ông N, bà Ng có trả cho ông G, bà X tiền hụi được 50.000.000 đồng, hiện ông N, bà Ng còn nợ tiền hụi ông G, bà X là 100.000.000 đồng.

Ông G, bà X yêu cầu vợ chồng ông N, bà Ng trả tiền vay 300.000.000 đồng, tiền lãi suất 11%/năm từ ngày 28/11/2019 đến khi Tòa án xét xử; ông N, bà Ng trả cho ông G, bà X tiền hụi còn thiếu là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi đối với nợ hụi.

Tại biên bản lấy lời khai các ngày 15/02/2022, ngày 25/3/2022 của bị đơn bà Trần Thị Ng trình bày: Bà Ngân thừa nhận ngày 26/02/2019 vợ chồng bà Ng, ông N có vay vợ chồng ông G, bà X số tiền 300.000.000đ, lãi suất 11%/năm. Thời hạn vay là 01 năm (tức là từ ngày 26/02/2019 đến ngày 26/02/2020) sẽ trả gốc và lãi cho ông G, bà X. Vợ chồng ông N, bà Ng có đóng tiền lãi cho ông G, bà X đến ngày 27/11/2019, nhưng từ ngày 28/11/2019 đến nay vợ chồng ông N, bà Ng không trả gốc và lãi cho ông G, bà X.

Trong năm 2016 ông G có tham gia chơi hụi do bà Ng làm chủ hụi. Trong quá trình chơi hụi bà Ng có nợ tiền hụi ông G 150.000.000 đồng. Năm 2018 bà Ng có trả tiền hụi cho ông G được 50.000.000đ. Ngày 24/02/2019 các bên thống nhất chốt nợ tiền hụi là bà Ng còn nợ tiền hụi ông G là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Ông G yêu cầu vợ chồng bà Ng, ông N trả tiền vay 300.000.000đ, lãi suất 11%/năm từ ngày 28/11/2019 đến Tòa án xét xử và tiền hụi còn thiếu là 100.000.000đ bà Ng đồng ý, nhưng do hiện nay bà Ng gặp khó khăn về kinh tế nên bà xin hẹn đến khi vợ chồng bà bán được diện tích 03 ha đất, tọa lạc ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thì vợ chồng bà Ng, ông N trả cho ông G, bà X một lần dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N (chồng bà Ng) được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông N vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Ông G vừa nguyên đơn, vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà X trình bày: Số tiền 300.000.000 đồng mà vợ chồng ông G, bà X cho vợ chồng ông N, bà Ng vay, đây là tiền của ông G vay từ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Do tình nghĩa bạn bè, thân thiết nên vợ chồng ông G, bà X lấy số tiền 300.000.000đ này cho vợ chồng ông N, bà Ng vay lại, lãi suất cũng bằng phía ngân hàng nông nghiệp cho vay. Nay ông G, bà X đã đến hạn trả nợ cho ngân hàng nông nghiệp – Chi nhánh huyện U Minh Thượng, nhưng phía bị đơn không trả nợ cho ông G, bà X. Do vậy, ông G yêu cầu vợ chồng bà Ng, ông N trả tiền vay 300.000.000đ, lãi suất 11%/năm từ ngày 28/11/2019 đến Tòa án xét xử và tiền hui còn thiếu là 100.000.000đ (không tính lãi suất), để ông có tiền thanh toán cho ngân hàng nông nghiệp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G, bà X, buộc bị đơn ông N, bà Ng trả cho nguyên đơn ông G, bà X số tiền vay là 300.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 11%/năm từ ngày 28/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử; trả tiền hui còn thiếu là 100.000.000đ.

Về án phí: Vợ chồng ông N, bà Ng phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông N không có yêu cầu phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà Trần Thị Ng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn ông N, bà Ng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Tòa án đã Thông báo tham gia tố tụng theo đúng quy định. Tại văn bản số: 02-22/CV-NH ngày 31/3/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang – Người đại diện ngân hàng trình bày: Ông G là người trực tiếp vay vốn của Aribank Chi nhánh huyện U Minh Thượng Kiên Giang II, việc ông G đem tiền này cho người khác vay lại, phía ngân hàng không biết và cũng không liên quan. Trong vụ án này phía ngân hàng không có yêu cầu, nên từ chối tham gia tố tụng, do đó Tòa án không đưa Aribank Chi nhánh huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Chiéc G, bà Nguyễn Hồng X với bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Ng là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và nợ tiền hụi. Cụ thể nguyên đơn ông G, bà X yêu cầu vợ chồng ông N, bà Ng trả tiền vay còn thiếu là 300.000.000đ và nợ tiền hụi là 100.000.000đ.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai các ngày 15/02/2022, ngày 25/3/2022 và đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 06/4/2022 của bị đơn bà Ng đều thừa nhận vào ngày 26/02/2019 vợ chồng bà Ng, ông N có vay vợ chồng ông G, bà X số tiền 300.000.000đ, lãi suất 11%/năm; trong năm 2016 ông G có tham gia chơi hụi do bà Ng làm chủ hụi, hiện bà Ng còn nợ tiền hụi ông G số tiền 100.000.000đ. Do vợ chồng ông N, bà Ng đang khó khăn về kinh tế nên bà đồng ý trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ trên, nhưng bà xin hẹn đến khi bà Ng bán được diện tích 03 ha đất, tọa lạc ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thì bà Ng trả cho vợ chồng ông G, bà X một lần dứt nợ nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy về tổng số nợ hai bên đã thống nhất, thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX công nhận lời trình bày của các đương sự là đúng sự thật. Hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức, thời hạn trả nợ.

HĐXX cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân

tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, việc bà Ng xin trả nợ cho vợ chồng ông G, bà X với hình thức xin hẹn đến khi bà Ng bán được diện tích 03 ha đất, tọa lạc ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thì bà Ng trả tiền cho vợ chồng ông G, bà X một lần dứt nợ là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[4]. Về phần tiền lãi suất: Ông G chỉ yêu cầu vợ chồng ông N, bà Ng trả tiền lãi trên nợ gốc 300.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 11%/năm, mà không yêu cầu tính tiền lãi đối với nợ hụi 100.000.000đ. Việc vợ chồng ông N, bà Ng vay vợ chồng ông G, bà X số tiền 300.000.000đ, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất 11%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm), tương ứng 0,92%/tháng. Như vậy, tiền lãi của số tiền 300.000.000đ (từ ngày 28/11/2019 đến xét xử ngày 16/5/2022) là: $300.000.000đ \times 0,92\%/tháng \times 30 tháng 18 ngày = 84.456.000$ đồng.

Tiền lãi bị đơn bà Ng phải trả cho nguyên đơn ông G, bà X là 84.456.000 đồng. Như vậy, bà Ng còn nợ vợ chồng ông G, bà X là 484.456.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Trong đó, nợ vay gốc là 300.000.000 đồng, nợ tiền hụi là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 84.456.000 đồng).

[5]. Về trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng: Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30... và Điều 37 của Luật này*”. Tại khoản 1 Điều 30 “*Vợ chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” và khoản 2 Điều 37 “*Nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Do đó, có đủ cơ sở để buộc vợ chồng bà Ng, ông N cùng liên đới trả cho vợ chồng ông G, bà X tổng cộng số tiền là 484.456.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Trần Thị Ng, ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $20.000.000đ + (84.456.000đ \times 4\%) = 23.378.000$ đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Chiếc G, bà Nguyễn Hồng X số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số: 0003075 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chiếc G, bà Nguyễn Hồng X đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Ng về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hụi.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Ng phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Chiếc G, bà Nguyễn Hồng X số tiền 484.456.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

3. Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.378.000 đồng (hai mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Chiếc G, bà Nguyễn Hồng X số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số: 0003075 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng